



I/ You/ We/ They	have got ('ve got)
He/ She/ It	has got ('s got)
<b>Negative – Thể phủ định</b>	
I/ You/ We/ They	haven't got
He/ She/ It	hasn't got
<b>Questions – Câu hỏi</b>	
Have I/ you/ we/ they got ... ?	Yes, I/ you/ we/ they have. No, I/ you/ we/ they haven't.
Has he/ she/ it got ...?	Yes, he/ she/ it has. No, he/ she/ it hasn't.

#### 4. QUESTION WORDS – CONJUNCTIONS:

- **QUESTION WORDS: Where...?/ Who...?/ What...?**

- We use "**Where**" to ask about places or locations.

**Where + be + S?**  
→ S + be + adverb of place + ...

**Eg:** Where are students? – They are in the classroom.

Where is cat? – It is behind the sofa.

- We use "**Who**" to ask about a person.

**Who + be + S?**  
→ S + be + ...

**Eg:** Who is she? – She is my older sister.

- We use "**What**" to ask about specific information.

**What + be + S?**  
→ S + be + ...

**Eg:** What is the capital of Vietnam? – It is Ha Noi.

- **CONJUNCTIONS (TỪ NỐI): or/ but/ and**

- Conjunctions are used to connect two sentences into one long sentence or connect ideas (Từ nối dùng để kết nối 2 câu trong 1 câu dài hoặc nối ý)

- "**and**" (và): is used to add items to a list.

**Eg:** I am from Vietnam **and** I am a student.

- "**or**": is used to talk about options (lựa chọn).

**Eg:** You can have the blue pen **or** the red pen.

- "**but**": is used to show contrast (trương phản).

**Eg:** I can speak English, **but** I am not very good at it.

#### 5. There is/ There are:

- **There is/ There are**

- We use "There is" to say something exists and is **singular noun** (danh từ số ít) or **uncountable noun** (danh từ không đếm được)

**Eg:** There is a book.

↓  
**singular noun**

There is some milk.

↓  
**uncountable noun**

- We use “There are” to say something exists and is **plural noun (danh từ số nhiều)**

**Eg:** There are three apples.

↓  
**plural noun**

**Forms:**

➤ **AFFIRMATIVE FORM (THỂ KHẲNG ĐỊNH)**

<b>There is...</b>	= There's...
<b>There are...</b>	= There're...

**Eg:** There is a book on the desk - There are some books on the desk.

➤ **NEGATIVE FORM (THỂ PHỦ ĐỊNH)**

<b>There is not...</b>	= There isn't...
<b>There are not...</b>	= There aren't...

**Eg:** There isn't a pen on the table. - There aren't any books on the table.

➤ **INTERROGATIVE FORM (THỂ NGHI VẤN)**

Is/Are there + ...?
→ Yes, there is/ Yes, there are.
→ No, there isn't/ No, there aren't.

**Eg:** Is there a swimming pool on ship? → Yes, there is.

### 6. Some/ any (một vài):

- We use “some” with plural noun or uncountable noun in affirmative and interrogative form. (Sử dụng some với danh từ số nhiều hoặc không đếm được trong thể khẳng định và nghi vấn)

**Eg:** There are **some restaurants** near here./ There is **some rice** in the bowl.

Are there **some restaurants** near here?/ Is there **some rice** in the bowl?

- We use “any” with plural noun or uncountable noun in negative form. (Sử dụng any với danh từ số nhiều hoặc không đếm được trong thể phủ định)

**Eg:** There aren't **any restaurants** near here. - There isn't **any rice** in the bowl.

### 7. How many...? (Có bao nhiêu...?):

How many + plural Noun + are there....?
→ There is.../ There are...

**Eg:** How many students are there in your class? → There are 32 students.

### 8. Definite and zero article. (Mạo từ xác định và không dùng mạo từ):

- We use “the” to talk about a particular thing. (Sử dụng “the” để nói về vật cụ thể, đã xác định)

**Eg:** I have a book and **the** book is so funny.

- We use *zero article* (không dùng “the”) to talk about things in general.

(Không dùng “the” khi nói về những vật chung chung, chưa xác định)

**Eg:** I like books. (I like the ~~books~~)

### 9. Comparative adjectives: (So sánh hơn) - Superlative adjectives: (So sánh nhất)

\* **Short adjectives (Tính từ ngắn):** are 1-syllable adjectives. (Tính từ ngắn là những tính từ phát ra 1 âm tiết)

**Eg:** short, long, big, nice...

**Note:** With 2-syllable adjectives ending in “y”, they are considered as short adjectives. (Với tính từ phát ra 2 âm tiết và tận cùng là “y”, ta xem như đó tính từ ngắn)

**Eg:** happy, pretty...

**\*Long adjectives (Tính từ dài):** are 2 or more syllable adjectives.  
(Tính từ dài là những tính từ phát ra từ 2 âm tiết trở lên)

**Eg:** comfortable, modern...

• **Comparative adjectives: (So sánh hơn)**

➤ **Short adjectives (1-syllable adjectives)**

$S_1 + \text{be} + \text{Adj "er"} + \text{than} + S_2$

**Eg:** Bikes are slower than cars. - My hair is longer than your hair.

➤ **Long adjectives (2 or more syllable adjectives)**

$S_1 + \text{be} + \text{more} + \text{adj} + \text{than} + S_2$

➤ **Eg:** French is more difficult than English.

➤ **Rules of adding "er" with short adjectives:** (quy tắc thêm "er" với tính từ ngắn)

RULES	EXAMPLES
- add "-er"	old → older
- If the adjective ends in -e, just add -r (Nếu tính từ tận cùng "e" thì chỉ thêm "r")	late → later
- If the adjective ends in consonant (phụ âm), vowel (nguyên âm), consonant (phụ âm), double the last consonant. (Nếu tính từ tận cùng theo quy tắc phụ - nguyên - phụ thì ta gấp đôi phụ âm cuối trước khi thêm "er") * Vowel (Nguyên âm): u, e, o, a, i * Consonant (Phụ âm): các chữ còn lại trong bảng chữ cái.	big → bigger hot → hotter
- If the adjective ends in -y, change the "y" to "i" (Nếu tính từ tận cùng là "y", ta chuyển "y" thành "i", rồi mới thêm "er")	happy → happier

• **Superlative adjectives: (So sánh nhất)**

➤ **Short adjectives (1-syllable adjectives)**

$S + \text{be} + \text{the} + \text{adj} - \text{est}$

Short adjectives	
1-syllable adjectives	old, fast
2-syllable adjectives ending in -y	happy, easy
<b>RULE:</b> add "-est"	old → the oldest
Variation: if the adjective ends in -e, just add -st	large → the largest
Variation: if the adjective ends in consonant,	big → the biggest

vowel, consonant, double the last consonant	
Variation: if the adjective ends in -y, change the y to i	happy → the happiest

**Eg:** It was **the happiest day** of my life.

That's **the best film** I have seen this year.

➤ **Long adjectives** (2 or more syllable adjectives)

**S + be + the most + adj**

Long adjectives	
2-syllable adjectives not ending in -y	modern, pleasant
all adjectives of 3 or more syllables	expensive, intelligent
<b>RULE:</b> use " <b>most</b> "	modern → the most modern expensive → the most expensive

**Eg:** Peter is **the most handsome** (person) in the family.

### 10. The Present Simple tense (Thì hiện tại đơn)

• **Usages:** (Cách dùng)

- We use the present simple to talk about:

✓ **Diễn tả một sự thật hiển nhiên, chân lý.**

**Eg:** I'm nineteen years old. - The earth goes around the sun

✓ **Diễn tả một thói quen thường xuyên ở hiện tại.**

**Eg:** I play football every weekend. - Mary gets up at 6 every morning.

✓ **Diễn tả sở thích.**

**Eg:** They like eating eggs. - She doesn't like coffee.

✓ **Use the simple present with:** (Những dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn)

- Every day/ every morning/...

- Day after day/...

- Adverbs of frequency: always, usually, often, sometimes, never,...

• **Form:** (Công thức)

➤ **TO BE:**

\* **Affirmative form:** (Thể khẳng định)

**(+) S + be + ...**

**Eg:** I am a student.

\* **Negative form:** (Thể phủ định)

**(-) S + be + not + ...**

**Eg:** I am not a student.

\* **Question form:** (Thể nghi vấn)

Yes – No question	Wh - questions
<b>Be + S + ...?</b>	<b>Wh + be + S + ...?</b>

**Eg:** Are you a student? - Who are they?

➤ **REGULAR VERBS:**

\* **Affirmative form: (Thể khẳng định)**

**(+) S + Verb / Verb -s/-es**

**Eg:** They live in Ha Noi. - She lives in Ha Noi.

\* **Negative form: (Thể phủ định)**

**(-) S + don't / doesn't + Verb-bare**

**Eg:** They don't live in Ha Noi. - She doesn't live in Ha Noi.

\* **Question form: (Thể nghi vấn)**

Yes – No question	Wh - questions
<b>Do/ Does + S + Vbare?</b> - Yes, S + do/does. - No, S + don't/ doesn't.	<b>Wh + do/does + S + Vbare?</b>

**Eg:** Do they live in Ha Noi? – Yes, they do.  
What does he play? – He plays soccer.

✓ **Spelling rules:**

+ **With the verbs for *he, she* and *it*, we have to add “s/es”**

(Với các chủ ngữ He, She, It hoặc chủ ngữ số ít (1 người, 1 vật), động từ phải thêm “s/es”)

- **We add -s to most verbs:** (Chúng ta thêm “s” cho hầu hết các động từ)

**Eg:** Work → works, Live → lives

- **We add -es when a verb ends with: -o, -ch, -s, -sh, -x or -z.**

(Chúng ta thêm “es” nếu động từ tận cùng là: -o, -ch, -s, -sh, -x or -z.)

**Eg:** Watch → watches, Wash → washes, Mix → mixes, Go → goes

- **We remove -y and add -ies when a verb ends with a consonant + y.**

(Với động từ tận cùng là “y” và trước nó là phụ âm, thì ta bỏ “y” và thêm “ies”)

**Eg:** Try → Tries, Fly → flies

\*\*\* **With a vowel + y:** (Tuy nhiên với động từ tận cùng là “y” và trước nó là nguyên âm, thì ta giữ nguyên “y” và thêm “s”)

**Eg:** Play → plays, Stay → stays

**11. Can – Might:**

- **“CAN” FOR ABILITY: dùng để diễn tả khả năng**

Language notes:

**1. Can and Can't are the same for all persons: I can / can't, you can / can't, he can/ can't, etc.**

(can và can't dùng cho được mọi chủ ngữ)

**2. Can / Can't is always followed by the base form of the verb:**

(Sau can/ can't luôn là động từ nguyên mẫu)

**Forms:**

Affirmative form	S + can + V <sub>0</sub> + ...
Negative form	S + can't + V <sub>0</sub> + ....
Question	Can + S + V <sub>0</sub> + ... ?

- **MIGHT FOR POSSIBILITY: dùng để diễn đạt khi chúng ta chưa chắc điều mình nói có đúng không.**

**1. Might and Mightn't are the same for all persons: I might / mightn't, you might / mightn't, he might / mightn't, etc.**

(might và mightn't dùng cho được mọi chủ ngữ)

**2. Might / Mightn't is always followed by the base form of the verb:**

(Sau might/ mightn't luôn là động từ nguyên mẫu)

**Forms:**

Affirmative form	S + might + V <sub>0</sub> + ...
Negative form	S + mightn't + V <sub>0</sub> + ...
Question	Might + S + V <sub>0</sub> + ... ?

**11. Adverbs of frequency (Trạng từ chỉ mức độ thường xuyên):**

→ always, normally / usually, often, sometimes, never.

\* **Rules: Vị trí của trạng từ chỉ mức độ thường xuyên ở trong câu**

**1. after the verb be. (sau động từ động từ To be)**

**Eg: I am always happy.**

**2. before other verbs. (trước động từ thường)**

**Eg: I usually go to school by bike.**